

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-PT
Ngày: 21-01-2022
V/v “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLPT- DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 372/2021/QĐ-PT ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Vợ chồng ông Trần Quang H, sinh năm: 1974, bà Lê Thị Th, sinh năm: 1974; cư trú tại số 05, đường L, thôn N, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn:

Vợ chồng ông Mai Minh Th, sinh năm: 1979, bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1981; cư trú tại số 49/10, tổ dân phố N, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08/10/2021, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th thì:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 03/11/2016 vợ chồng ông H, bà Th có cho vợ chồng ông Th, bà M vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 02 tháng, giấy vay tiền do vợ chồng ông Th, bà M ký nhận. Ngày 03/01/2017 bà M đến khát nợ và viết lại giấy vay tiền, từ thời điểm khát nợ và viết lại giấy vay tiền thì đến nay vợ chồng ông Th, bà M chưa trả số tiền 200.000.000đ nói trên, vợ chồng ông, bà đã liên hệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Th, bà M không có thiện chí trả nợ. Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng ông Th, bà M trả lại số tiền 200.000.000đ.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M thì:

Vợ chồng ông, bà thừa nhận ngày 03/11/2016 vợ chồng ông, bà có vay của vợ chồng ông H, bà Th số tiền 200.000.000đ, tuy nhiên vợ chồng ông, bà đã trả số tiền này cho vợ chồng ông H, bà Th, sau đó bà M có đến nhà và vay lại của vợ chồng ông H, bà Th số tiền 200.000.000đ, số tiền này chỉ có một mình bà M vay chứ không liên quan gì đến ông Th. Do đó ông Th không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông H, bà Th số tiền 200.000.000đ. Bà M đồng ý trả cho vợ chồng ông H, bà Th số tiền 200.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 37/2021/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021; Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” giữa vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th và vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M. Buộc vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th số tiền 200.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/12/2021 vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo Bản án Dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc bà M trả số tiền 200.000.000đ cho vợ chồng ông H, bà Th, ông Th không vay tiền nên không đồng ý trả nợ.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không buộc ông Th có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà M vì ông Th không vay tiền của vợ chồng ông H, bà Th.

Vợ chồng ông H, bà Th đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th và vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M nhiều lần xác lập giao dịch dân sự vay tài sản; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như giữa các bên không thống nhất về người phải có nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp.

Theo hồ sơ thể hiện thì mặc dù theo nội dung do bà M viết lại vào ngày 03/01/2017 thì thời hạn trả nợ là ngày 03/4/2017; ngày đương sự có đơn khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra Bản án, quyết định giải quyết vụ, việc”; tranh chấp giữa các bên xuất phát từ Hợp đồng Dân sự Vay tài sản, quá trình giải quyết vụ án đến trước khi cấp sơ thẩm ban hành Bản án, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nhưng cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Kiện đòi tài sản” là chưa chính xác; cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” thì mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

Tại “Giấy mượn tiền” ghi ngày 03/11/2016 thể hiện nội dung “*Hôm nay ngày 03/11/2016 vợ chồng tôi có mượn của anh chị Huy Thanh ở tại số 05 Lê Thị Hồng Gấm với số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn là hai tháng sau tôi sẽ hoàn trả, nếu có gì sai trái vợ chồng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật...*”. Giấy vay tiền do vợ chồng ông Th, bà M ký tên. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về số tiền vay nói trên, tuy nhiên vợ chồng ông Th, bà M cho rằng khoản tiền vay nói trên vợ chồng ông Th, bà M đã trả cho vợ chồng ông H, bà Th. Ngày 03/01/2017 bà M vay tiếp của vợ chồng ông H, bà Th số tiền 200.000.000đ, giấy vay tiền chỉ có bà M ký tên, không có chữ ký của ông Th. Vợ chồng ông H, bà Th không thừa nhận việc vợ chồng ông Th, bà M đã trả số tiền 200.000.000đ ký ngày 03/11/2016 mà lý do bà M ký giấy vay tiền ngày 03/01/2017 là do bà M khát nợ nên viết lại giấy vay tiền. Vợ chồng ông Th, bà M không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền cho vợ chồng ông H, bà Th, trong khi đó vợ chồng ông H, bà Th không thừa nhận.

Đồng thời, vợ chồng ông Th, bà M cho rằng việc vay tiền là do bà M tự vay, ông Th không biết và không liên quan gì. Tuy nhiên bà M vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, tại thời điểm bà M viết giấy mượn tiền (ngày 03/01/2017) thì ông Th, bà M vẫn là vợ chồng. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...*”.

Như vậy vợ chồng ông Th, bà M cho rằng việc vay tiền của vợ chồng ông H, bà Th là do một mình bà M đứng ra vay nên ông Th không có trách nhiệm cùng trả nợ là không có căn cứ chấp nhận. Do đó cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Th, bà M cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà Th số tiền 200.000.000đ là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại thời điểm giải quyết thì quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà M vẫn còn tồn tại; Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Th, bà M cùng có trách nhiệm “liên đới” trả nợ là chưa đúng với nội dung của Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 vừa viện dẫn nên cần sửa lại cách tuyên là phù hợp.

[2] Với những nhận định trên; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 10.000.000đ (200.000.000đ x 5%).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th về việc “*Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản*” đối với vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M.

Buộc vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M phải chịu 10.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trần Quang H, bà Lê Thị Th không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông H, bà Th được nhận lại số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003598 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Vợ chồng ông Mai Minh Th, bà Nguyễn Thị M phải chịu 600.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 600.000đ tiền tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003689 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Th đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01)
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch